



zhǔ chù

主厨

noun / verb · head chef; to be the head chef

Example Sentences

Tā shì zhè jiā cān tīng de zhǔ chù
他是这家餐厅的主厨。

He is the head chef of this restaurant.

Zhǔ chù tuī jiàn le yī dào xīn cài
主厨推荐了一道新菜。

The head chef recommended a new dish.

Jīn wǎn yóu Wáng shī fu zhǔ chù
今晚由王师傅主厨。

Tonight, Chef Wang will be the head chef.

Trace each character, then write the word on your own.

主	主	主	主	主	主	主	主				
厨	厨	厨	厨	厨	厨	厨	厨	厨	厨	厨	
厨	厨	厨	厨								